

Những ký ức về cuộc sống Sài Gòn xưa trước 75: *Cho tôi lại ngày nào...*



Trước 1975 tại Sài Gòn (và cả miền Nam), nếu tôi nhớ không nhầm, có thời gian mà tất cả các loại xe hơi đều bị bắt buộc phải phết sơn màu vàng lên 1/3 phía trên của mặt kính 2 đèn trước, với dụng ý ngăn các bác tài khi pha đèn ban đêm sẽ làm bớt chói mắt người hay xe chạy ngược chiều. Lại nữa, nơi các ngã tư gần mọi bệnh viện đều có treo bảng “Cấm nhậu còi” để giúp các bệnh nhân ở đó được nghỉ ngơi thực sự. Rồi các xe đỗ trên các phố cũng đều phải tuân theo bảng “Ngày chẵn lẻ”.



Một chiếc taxi với 1/3 đèn trước được sơn vàng

Tất cả xe taxi – Lúc đó là loại 4 chevaux – đều sơn tuyền một màu xanh hoặc nửa vàng nửa xanh, nhằm giúp khách nhận biết từ xa để gọi mà không nhầm với mọi thứ xe chạy “dù” khác. Cửa đáng tội, thời ấy còn lạc hậu, tôi còn nhớ mỗi khi ngồi trong xe mà muốn mở cửa bước xuống, thì người ta đã không tìm thấy tay nắm đầu cả mà phải cầm vào một sợi dây thép căng hết bề ngang cánh cửa để kéo thật mạnh.

Ấy thế mà những chiếc taxi cũ kỹ ấy vẫn đã làm nên một phần chân dung Sài Gòn thuở ấy. Chúng phải có phần đèn hộp bắt chết trên mũi xe, mà về đêm, hộp đó sẽ sáng lên.



Xe buýt cũng phải sơn một màu đặc trưng để dễ phân biệt với các loại xe đồ chạy tuyến dài. Ví dụ như khi đó, tại gần khu Bà Quẹo, vẫn có bến xe buýt vàng (Gọi là tô-buýt vàng) mà nếu muốn cầm lái, tức là khi họ rong ruổi mà ngồi sau lưng họ sẽ là sinh mệnh của mấy chục người vô tội, các bác tài phải trải qua bao nhiêu năm mươi mốt mồ hôi mới giặt được bằng chuyên dụng.

Từ 18 – 20, anh đã có thể học và thi lấy bằng xe 4 chỗ; sau đó vài ba năm, mới lên được một hạng, rồi cày vô-lăng thêm vài năm nữa, mới cho sờ tới xe tải nhẹ dưới 1 tấn, lại phải thêm vài niên, mới đủ sức lên xe tải lớn hơn chứ chưa nói là cho phép lái xe chở khách. Còn muốn lấy dấu “khửa” để lái xe đồ thứ thật, tài xế ít nhất cũng đã trên dưới 40, tức là vào độ tuổi hết “máu” mất rồi, chả còn mấy hứng thú gì trong chuyện nhón ga vượt ấu.

Chuyện đó cũng rõ ràng hết như chuyện nơi các ngã tư, mọi loại xe đều phải dừng sau “đường đinh”, là phần kẻ vạch sơn trắng dành cho người đi bộ. Anh cứ thử đi sai làn, hay vượt vạch kẻ xem?



Ngày ấy, người ta còn nhớ vẫn có cụm từ “Nhà thuốc gác” để chỉ các pharmacie bán thường trực, khác với “nhà thuốc Tây” chỉ mở cửa vào một số giờ cố định trong ngày và dù là “gác” hay không, trước tiệm nào cũng phải có một hộp đèn vuông có in hình một chữ thập treo lồi hẳn ra ngoài mặt tiền – Chữ thập này không nhất thiết phải nguyên màu sơn đỏ khi đèn tắt, mà có thể là màu xanh lá cây sẫm nữa, nhưng chắc chắn là khi thành phố lên đèn, từng hộp đèn mang ký hiệu quy định ấy cũng phải sáng lên, cho khách đi từ xa biết chỗ mà tìm tới. Tôi nhớ, khi ấy gần như tất cả đều là nhà thuốc tư, mà hình như tiệm nào cũng đều có cửa sắt kéo cả.

Còn tiệm nào bán thuốc Bắc thì đều có chữ “Đường” ở cuối tên (Vĩnh Sanh Đường, Thiên Hòa Đường, Thông Tán Đường, Tín Nhân Đường) rất đặc trưng kiểu người Hoa như trong các phim quyền cước, với các ô ngăn kéo đựng thuốc đã sấy khô nằm sau quầy, từ sát đất chát lên tới trần nhà, còn trên mặt quầy thì nào là cân, là bàn dao cạo, là các vuông giấy dầu hay giấy bản màu vàng có in sẵn chữ Nho trên đó.

Nó cũng đặc trưng như khi người ta đi trên phố, thấy nhà nào có treo trước cửa kính cửa mình một cái ống đèn hình trụ đứng với hai màu trắng đỏ, mà khi cắm điện vào, thấy các vạch hai màu ấy quay theo hình tròn ốc vịnh cửa, là biết nhà ấy mở tiệm uốn tóc cho phái đẹp.

Người ta khi rủ nhau mở tiệm vàng là phải có chữ “Kim” đứng đằng trước tên tiệm (Kim Hưng, Kim Xuyên, Kim Hoàng, Kim Thảo, Kim Ngân, Kim Hoa...) giống như mở tiệm vải là phải có chữ “Tân” (Tân Hòa, Tân Hương, Tân Mỹ...) hoặc các tiệm hủ tíu mì, qua mấy chục năm đánh chết cũng phải có chữ “Ký” ở đuôi (Phát Ký, Huỳnh Ký, Sanh Ký, Nguyên Ký...) trước khi kết bằng hai từ “Mì gia” mà nếu gọi đủ, phải là “X ký mì gia” gì đấy thì nghe mới ra mùi “Trú khách”.



Những cái tên làm người ta nhớ nôm nao, như Trưng Vương hay Gia Long là giúp nghĩ ngay tới những tà áo dài trắng (và tím) tinh khôi trước mọi cổng trường nữ sinh. Như Võ Trường Toản hay Pétrus Ký là quần xanh áo trắng quanh các cánh cổng thép nan hoa, che từng khuôn viên mấy trường nam sinh luôn rợp bóng phượng đỏ ối cả mùa Hè.

Còn Colette hay Saint-Exupéry là phải nhớ ra, các bức tường dài quét vôi màu đỏ không thể lẫn vào đâu được của mấy ngôi trường Tây chắc chắn là dành cho con nhà giàu, mà số thầy cô người Pháp dạy ở đó chiếm đến một nửa. Họ sống ở mấy tòa nhà sơn màu cà-phê sữa thanh nhã, mặt tiền có kẻ ô, cao 4-5 tầng, gọi là “khu chuyên gia” nằm quanh khu sân quần trên đường Bà Huyện Thanh Quan, gần ngã tư Phan Đình Phùng thưở ấy.

Kỷ niệm với bản thân tôi ở trường Saint Ex là thầy Alain Pesqué cao tới 1,85m, rất đẹp trai, dạy Math Moderne ngày xưa, tức là dạy Tân Toán học, khác với Math Classique, là Toán Cổ điển. Còn là thầy Albert Moreau dạy Sử Địa thế giới (Khi đó học sinh học cả Sử Địa Việt Nam, do thầy cô người Việt dạy, và Sử Địa năm châu do thầy người Pháp dạy), ông có biệt tài xuất chúng là không cần dùng compas, mà vẽ Quả đất bằng phấn ngay trên bảng, trăm cái đều tròn xoe như nhau hết đúc khuôn.

Còn là thầy Jean Baud chỉ cao có 1,68m mà tát rất đau, khi học trò quên vở Science Naturelle (Vạn vật học). Còn là cô Stéphanie Meyer dạy Français cũng khẻ tay đau điếng người khi trò không thuộc bài, trong khi phía Văn chương Việt lại có một cô giáo khác. Phải đi qua tất cả những thầy cô ấy tại Saint Exupéry suốt 2 năm 6ème hay 5ème trước khi sang Marie Curie, vào 4ème.

Ký ức không hề mờ nhạt nơi những gì chính mình biết, hoặc chỉ biết loáng thoáng nơi các trường Tây khác, dù chính cổng hay chỉ “giả cày”, như Fraternité (Gọi là

trường Bác Ái) trên đường An Dương Vương ngày đó, như Aurore (Rạng Đông) mà tôi đi hết bậc tiểu học trên phố Phan Đình Phùng, như Couvent Des Oiseaux hay Jean Jacques Rousseau. Ký ức càng không mờ nhạt đi khi mình đi qua thời tiểu học vào những năm 1950 – 1960, học chung với hai anh em nhà Tạ Thạch và Tạ Thái, con ông Tạ Ký lúc đó là thầy giáo dạy Toán tại trường Pétrus Ký, mà cũng là một nhà thơ, cùng trong làng cầm bút và là bạn với bố tôi.

Nếu để đo về độ khá giả của gia đình bạn bè học cùng trường, tôi sẽ không quên mất Lê Thị Đạt, vẽ rất đẹp mà học cũng rất giỏi, con bà chủ tiệm bánh mì Hà Nội nức tiếng phố Nguyễn Thiện Thuật; hay Trần Thu Trang, con bà chủ tiệm bánh mứt Bảo Hiên Rồng Vàng khét tiếng nơi phố Gia Long – Cửa Bắc.



Những kỷ niệm ấy đến giờ vẫn nồng nàn như tên các rạp hát, cứ nhớ đến Rex là phải nhớ Omar Sharif, Julie Christie hay Géraldine Chaplin trong Docteur Zhivago; nhớ tới Eden là nhớ Đại Sát Tinh với Vương Vũ, Tiêu Dao và Điền Phong; nhớ Việt Long là nhớ Django không cầu nguyện của Franco Nero; hay nhớ Victorama Quốc tế là nhớ Liz Taylor, Richard Burton cùng Rex Harrison trong Cléopâtre.

Nhớ từng lần ngồi xe taxi cùng ông bố mình ra khu trung tâm, ăn bò kho ở tiệm bà Phạm Thị Trước hay nhai nhồm nhoàm bánh pâté-chaud ở nhà hàng Xinh Xinh, rồi khi lớn hơn, chạy xe đạp ra phố Lê Lợi, ngồi chơi cùng thằng bạn nghèo để bán giúp nó từng tờ nhạc Tinh Hoa Miền Nam hay từng quyển nhạc in ronéo lem nhem, bày trên cái sạp bằng tre gấp, dựng trước cửa rạp Mini Rex hay trước cửa tiệm bán đồ lưu niệm Vân Anh khét tiếng thuở nào.

Nhớ rằng mình vẫn sướng hơn bao bạn bè cùng trường, còn có cha mẹ đầy đủ, được ăn học tử tế, biết chút ít ngoại ngữ dốt lừng, trong khi chúng nó phải từ trường tốt, lui về trường nghèo vì cha mẹ hết tiền. Và chúng nó phải kiếm sống hàng ngày, bán nhạc, bán sách cũ quanh khu Khai Trí, bán thuốc lá trước cửa rạp Casino mà

không ít lần, mình đi xem phim lại thấy chúng vất vả đứng đó, chia tay thu tiền từ từng điều thuốc thơm bán lẻ.



Nhớ từng ngày ngồi nhìn thành phố lên đèn trong tuổi thanh niên, qua ô kính cửa La Pagode hay Givral, nhất định lắc đầu khi mấy thằng bạn lớn hơn, huých khuỷu tay vào cạnh sườn mình, chia cho mình từng điều More màu nâu thon dài. Mà cũng không cưỡng mãi được, tuổi 22 là biết cầm điều thuốc Bastos Luxe đầu đời.

Nhớ cả tiệm Cảnh Hưng cho thuê sách nằm đối diện trường Rạng Đông mà bà chủ tiệm, và nhất là ông chồng bà ấy, thuộc vanh vách từng tựa sách nằm ở đâu, ngăn kéo nào, tầng kệ nào trong bát ngát cả chục nghìn quyển chất chặt cứng cả mặt tiền tiệm. Nhớ những tối thắm đọc Duyên Anh và Kim Dung trong màn, nhớ cả lần ngu ngốc hỏi ông già nghĩa của từ “Đốn mạt” là gì khi đọc trộm quyển Anh hùng đốn mạt của Nguyễn Vũ để bị xoi đòn quần đít. Nhớ cả những bạn văn lầy lùng của ông già mình ghé nhà chơi, như Nguyễn Sa, Vũ Hạnh, Minh Quân, Võ Phiến và cả Mai Thảo, Nguyễn Mạnh Côn.

Nhớ cả những cây xăng có vòi bơm bánh xe, gắn đứng giữa hai trụ xăng, phải lấy tay mình quay cây kim hơi về số theo ý muốn rồi từ tốn ngồi xuống, mở nắp vòi, lắp đầu bơm vào sơm để cho nó tự bơm, khi nào nghe kêu cái “keng”, đủ hơi, là máy tự động ngừng. Rồi nhớ cả chiếc Vélo Solex của ông già mình, do đi nhiều quá, bị xóc trên yên cũng quá nhiều qua các ổ gà, ông đã bị sai cột sống.



Nhớ những chateau d'eau (Tháp nước xây bằng bê-tông) là đặc trưng của Sài Gòn thuở đó mà theo thời gian, chúng biến mất theo các ngôi nhà cao tầng. Nhớ các vòi nước phun, người ta ra đó giặt quần áo hay gánh nước vào từng đôi thùng tôn vuông mà quẩy về nhà. Rồi nhớ cả mùi thuốc phiện mà ông Tư thợ mộc, làm liên gia trưởng hồi ấy, đêm đêm vẫn thăm đốt bên bàn đèn, loang qua cửa sổ nhà bên mà vào nhà mình. Nhớ những màu áo cũ, cặp kính cũ của vài cô bạn trẻ đầu đời. Nhớ cả làn lông măng sẫm màu nằm mép cửa Khánh Ly, mặc áo dài, đi chân đất, hát nhạc Trịnh tại sân trường đại học.

Bà Mai Liên đọc chương trình thời sự trên màn hình chiếc TV National 19 inch; bà Túy Hồng với các vở kịch trời lên từ ngày cũ; bà Kiều Hạnh với chương trình Tuổi xanh; ông Lê Văn Khoa với chương trình Thế giới của em; ba bốn anh em nhà họ Phạm với ban Hợp ca Thăng Long; tòa soạn tờ Bách Khoa của ông Lê Ngô Châu trên phố Phan Đình Phùng; các bức minh họa kiệt xuất của họa sĩ Phạm Tăng, rồi các bức vẽ chân dung tuyệt tác theo kiểu cubisme của họa sĩ Tạ Ty; vở kịch Khói lửa Kinh thành của Lâm Ngữ Đường qua bản dịch của Vi Huyền Đắc.

Nhớ cả dáng gầy của nhà văn Nguyễn Ngu Í khi ngồi uống cà-phê với bố tôi để cùng tranh luận không bao giờ có hồi kết về một thứ tiếng Việt kiểu mới do ông ấy sáng tác. Nhớ từng nốt nhạc mà ông bác Phạm Duy đàn lên từ bài Giọt mưa trên lá... Và nhiều nữa. Nhiều nữa như từng chữ quá tuyệt trong bài Back To Soriento mà ông ấy đã chuyển lời. Nhớ cả từng bức ảnh đen trắng của 2 bậc thầy Nguyễn Cao Đàm và Trần Cao Lĩnh.



Nhớ từng chiếc bánh tôm trong tiệm kem Mai Hương trên phố Lê Lợi, từng ly nước mía Viên Đông nơi góc phố Pasteur, từng trang báo Salut Les Copains với Stone và Éric Charden hay Sylvie Vartan trên đó. Nhớ bài Le seul bébé qui ne pleure pas hay Laisse aller la musique thắm đầy tính tự sự trên từng cuộn băng cassette Anna quen gọi nô nã cho dễ nhớ. Nhớ cả cái bóng ma đi lang thang trong nghĩa địa mà người ta dàn dựng trên TV với giọng đọc rền rĩ “Tôi chết vì ma túy” nghe rợn cả tóc gáy ngày ấy.

Nhớ bộ ria mép của Trần Quang dầu nó không dày và trứ danh như của Omar Sharif... Nhớ cái đầu trục của Yul Brynner trong The Magnificent Seven (Bảy tay súng oai hùng), và nhớ dáng gầy không giống ai của Audrey Hepburn cùng cái cầm nổi tiếng với hồ lõm vào của Kirk Douglas... Nhớ mang máng cả những người thực ra chẳng cần nhớ làm gì như Hoàng Đức Nhã, người đã tìm đủ cách để rũ sổ bỏ tôi từ Nha Báo chí Phủ Tổng thống.

Tại sao tôi đang ở trong những ngày này, mà lại không nhớ gì mấy về chúng cả, để cứ phải ăn mày vào một thời từng quá cũ và xa? Tại sao bây giờ, mình cứ nhớ chỉ về những bức bối thực tại, mà lại phải bầu rất đau vào chuỗi ngày cứ ngỡ đã phôi pha rất lâu?... Tại sao?

Đâm ra lại như nghe loáng thoáng đâu đây, giai điệu buồn bâng khuâng từ bài Kỷ niệm:

*“Cho tôi lại ngày nào,
Trăng lên bằng ngọn cau,*

*Me tôi ngồi khâu áo,
Bên cây đèn dầu hao...*

*Cha tôi ngồi xem báo,
Phố xá vắng hiu hiu,
Trong đêm mùa khô ráo,
Tôi nghe tiếng còi tàu..."*

Để thấy mình hết như một con ốc bò thềm trên đường trắng.

Nguồn: TRINH ANH KHOI